VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: **22.0611**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Kí hiệu mẫu: **22.0611.NT1**

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.NT1: NT1: Nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải công suất 2000m^3

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH(b)	-	TCVN 6492:2011	7,54
2	Nhu cầu oxi hóa học (COD)(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3.230
3	BOD_5 (20°C)(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1.278
4	Chất rắn lơ lửng (SS)(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	3.412
5	Tổng Nitơ(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	118,05
6	Tổng Photpho (b)	mg/L	TCVN 6202:2008	88,75
7	Amoni (NH_4^+)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&C:2017	26,8
8	Coliform(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	$3,3 \times 10^4$
9	Clo dư (b)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	KPH (LOD=0,03)
10	Độ màu(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	307
11	Tổng dầu, mỡ khoáng(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,6

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VIỆN MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.NT2

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.NT2: NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 2000m3 (lấy tại cửa xả số 3)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
1	pH(b)	-	TCVN 6492:2011	8,44	5,5 – 9
2	Độ màu(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	55	150
3	BOD_5 (20°C)(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7	45
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	21	135
5	Chất rắn lơ lửng (SS)(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	KPH (LOD=5)	90
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(b)	mg/L	QTN.01/LAET	1.320	-
7	Clo dư (b)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	KPH (LOD=0,03)	1,8
8	Amoni (NH_4^+)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&C:2017	KPH (LOD=0,50)	9
9	Tổng Nitơ(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	19,96	36
10	Tổng Photpho (b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,52	5,4
11	Tổng dầu, mỡ khoáng(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	9
12	Coliform(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (LOD=2)	5.000

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Kq=0,9, Kf=1.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	Giám đốc
KS. Phan Thị Hoài Trinh	TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.KT1

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.KT1: Khí thải trong ống khói lò hơi (Lò Bosch)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
1	Bụi tổng(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	61	120
2	SO_2(b)	mg/Nm^3	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	300
3	NO_x, (tính theo NO_2)(b)	mg/Nm^3	QTKT.02/LAET	54	510
4	CO(b)	mg/Nm^3	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	600
5	Lưu lượng(b)	Nm^3/h	US EPA Method 2	5.677	-

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số Kp=1, Kv=0,6.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	Giám đốc
KS. Phan Thị Hoài Trinh	TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.KK1

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.KK1: K1: KDC bên hông nhà máy

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
1	Nhiệt độ(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,6	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(b)	µg/m^3	TCVN 5067:1995	147	300(3)
3	NO_2(b)	µg/m^3	TCVN 6137:2009	28	200(3)
4	SO_2(b)	µg/m^3	TCVN 5971:1995	48	350(3)
5	CO(b)	µg/m^3	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	30.000(3)
6	NH_3(b)	µg/m^3	MASA 401	KPH (LOD=30)	200(4)
7	H_2S(b)	µg/m^3	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42(4)
8	Tiếng ồn(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	65	70(1)
9	Độ rung(b)	dB	TCVN 6963:2001	51	70(2)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
   (2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
   (3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
   (4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	**Giám đốc**
KS. Phan Thị Hoài Trinh	**TS. Nguyễn Như Hiển**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH * VIỆN MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.KK2

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.KK2: K2: Sân trường ĐH Sài Gòn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
1	Nhiệt độ(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,2	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(b)	$\mu g/m^3$	TCVN 5067:1995	118	300(3)
3	NO_2(b)	$\mu g/m^3$	TCVN 6137:2009	30	200(3)
4	SO_2(b)	$\mu g/m^3$	TCVN 5971:1995	37	350(3)
5	CO(b)	$\mu g/m^3$	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	30.000(3)
6	NH_3(b)	$\mu g/m^3$	MASA 401	KPH (LOD=30)	200(4)
7	H_2S(b)	$\mu g/m^3$	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42(4)
8	Tiếng ồn(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	58	70(1)
9	Độ rung(b)	dB	TCVN 6963:2001	47	70(2)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
   (2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
   (3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
   (4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	Giám đốc
KS. Phan Thị Hoài Trinh	TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.KK3

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.KK3: K3: KDC đường Bà Triệu cổng ra đường Nguyễn Kim

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
1	Nhiệt độ(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,3	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(b)	µg/m^3	TCVN 5067:1995	126	300(3)
3	NO_2(b)	µg/m^3	TCVN 6137:2009	33	200(3)
4	SO_2(b)	µg/m^3	TCVN 5971:1995	42	350(3)
5	CO(b)	µg/m^3	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	30.000(3)
6	NH_3(b)	µg/m^3	MASA 401	KPH (LOD=30)	200(4)
7	H_2S(b)	µg/m^3	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42(4)
8	Tiếng ồn(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	66	70(1)
9	Độ rung(b)	dB	TCVN 6963:2001	54	70(2)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
   (2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
   (3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
   (4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	Giám đốc
KS. Phan Thị Hoài Trinh	TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.KK4

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.KK4: K4: Sân Malt đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
1	Nhiệt độ(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,1	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(b)	µg/m^3	TCVN 5067:1995	91	300(3)
3	NO_2(b)	µg/m^3	TCVN 6137:2009	32	200(3)
4	SO_2(b)	µg/m^3	TCVN 5971:1995	38	350(3)
5	CO(b)	µg/m^3	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	30.000(3)
6	NH_3(b)	µg/m^3	MASA 401	KPH (LOD=30)	200(4)
7	H_2S(b)	µg/m^3	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42(4)
8	Tiếng ồn(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	63	70(1)
9	Độ rung(b)	dB	TCVN 6963:2001	55	70(2)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
   (2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
   (3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
   (4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VIỆN MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.KK5

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.KK5: K5: Cổng A đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
1	Nhiệt độ(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,4	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(b)	$\mu g/m^3$	TCVN 5067:1995	122	300(3)
3	NO_2(b)	$\mu g/m^3$	TCVN 6137:2009	29	200(3)
4	SO_2(b)	$\mu g/m^3$	TCVN 5971:1995	42	350(3)
5	CO(b)	$\mu g/m^3$	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	30.000(3)
6	NH_3(b)	$\mu g/m^3$	MASA 401	KPH (LOD=30)	200(4)
7	H_2S(b)	$\mu g/m^3$	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42(4)
8	Tiếng ồn(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	67	70(1)
9	Độ rung(b)	dB	TCVN 6963:2001	55	70(2)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
   (2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
   (3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
   (4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	Giám đốc
KS. Phan Thị Hoài Trinh	TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.KK6

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.KK6: K6: Cổng B đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
1	Nhiệt độ(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,6	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(b)	µg/m³	TCVN 5067:1995	140	300(3)
3	NO_2(b)	µg/m³	TCVN 6137:2009	36	200(3)
4	SO_2(b)	µg/m³	TCVN 5971:1995	43	350(3)
5	CO(b)	µg/m³	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	30.000(3)
6	NH_3(b)	µg/m³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200(4)
7	H_2S(b)	µg/m³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42(4)
8	Tiếng ồn(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	72	70(1)
9	Độ rung(b)	dB	TCVN 6963:2001	54	70(2)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
   (2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
   (3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
   (4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH ★ TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ★ VIỆN MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

TS. Nguyễn Như Hiền

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.KK7

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.KK7: K7: Trong khu vực HTXLNT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
1	Nhiệt độ(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,3	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(b)	µg/m^3	TCVN 5067:1995	85	300(3)
3	NO_2(b)	µg/m^3	TCVN 6137:2009	42	200(3)
4	SO_2(b)	µg/m^3	TCVN 5971:1995	49	350(3)
5	CO(b)	µg/m^3	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	30.000(3)
6	NH_3(b)	µg/m^3	MASA 401	KPH (LOD=30)	200(4)
7	H_2S(b)	µg/m^3	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42(4)
8	Tiếng ồn(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	64	70(1)
9	Độ rung(b)	dB	TCVN 6963:2001	52	70(2)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
   (2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
   (3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
   (4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	Giám đốc
KS. Phan Thị Hoài Trinh	TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.KK8

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.KK8: K8: Gần ống xử lý mùi hôi của HTXLNT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
1	Nhiệt độ(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,1	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(b)	µg/m³	TCVN 5067:1995	75	300(3)
3	NO_2(b)	µg/m³	TCVN 6137:2009	38	200(3)
4	SO_2(b)	µg/m³	TCVN 5971:1995	53	350(3)
5	CO(b)	µg/m³	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	30.000(3)
6	NH_3(b)	µg/m³	MASA 401	56	200(4)
7	H_2S(b)	µg/m³	MASA 701	19	42(4)
8	Tiếng ồn(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	63	70(1)
9	Độ rung(b)	dB	TCVN 6963:2001	51	70(2)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. (1) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
   (2) QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
   (3) QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
   (4) QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	Giám đốc
KS. Phan Thị Hoài Trinh	TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.KK9

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.KK9: K9: Nhiệt độ ngoài trời tại thời điểm đo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Nhiệt độ(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,5

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	Giám đốc
KS. Phan Thị Hoài Trinh	TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.NN1

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Nước dưới đất

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.NN1: NN1: Nước ngầm - G1

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT
1	pH(b)	-	TCVN 6492:2011	6,72	5,5 – 8,5
2	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)(b)	mg/L	QTN.01/LAET	168,02	1.500
3	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)(b)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	77,7	500
4	Chỉ số Pecmanganat(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,51	4
5	Clorua (Cl^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl^-.B:2017	15,0	250
6	Florua (F^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017	0,24	1,0
7	Nitrit (NO_2^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2017	0,004	1,0
8	Nitrat (NO_3^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO_3^- .E:2017	0,044	15
9	Sunphat (SO_4^{2-})(b)	mg/L	SMEWW 4500-SO_4^{2-} .E:2017	24	400
10	CN^-(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017	KPH (LOD=0,002)	0,01
11	Amoni (NH_4^+)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	KPH (LOD=0,020)	1,0
12	Tổng Phenol(d)	mg/L	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8041A	KPH (LOD=0,0003)	0,001
13	Sắt (Fe)(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	4,9	5,0
14	Chì (Pb)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,0024	0,01
15	Đồng (Cu)(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	1,0
16	Mangan (Mn)(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,39	0,5
17	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,256	3,0
18	Cr^{6+}(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	KPH (LOD=0,003)	0,05

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT
19	Thủy ngân (Hg)(d)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,00025)	0,001
20	Asen (As)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,05
21	Cadimi (Cd) (b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,0002)	0,005
22	Selen (Se)(d)	mg/L	TCVN 6183:1996	KPH (LOD=0,00054)	0,01
23	Tổng hoạt độ phóng xạ α(b)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,01)	0,1
24	Tổng hoạt độ phóng xạ β(b)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,3)	1,0
25	Niken (Ni)(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,02
26	Aldrin(b)	µg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C + US EPA Method 8081B	KPH (LOD=0,01)	0,1
27	BHC(b)	µg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8081B	KPH (LOD=0,003)	0,02
28	Dieldrin(b)	µg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8081B	KPH (LOD=0,01)	0,1
29	DDTs(b)	µg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8081B	KPH (LOD=0,01)	1,0
30	Heptachlor & Heptachlorepoxide(b)	µg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8081B	KPH (LOD=0,01)	0,2

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ VIMCERTS 026 thực hiện;
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	Giám đốc
KS. Phan Thị Hoài Trinh	TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.NN1

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Nước dưới đất

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.NN1: NN1: Nước ngầm - G1

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QC 09-MT:2015/BTNMT
1	Coliform(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (LOD=2)	3
2	E.Coli(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B&F:2017	KPH (LOD=2)	Không phát hiện thấy

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	Giám đốc
KS. Phan Thị Hoài Trinh	TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: **22.0611**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Kí hiệu mẫu: **22.0611.NN2**

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Nước dưới đất

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.NN2: NN3: Nước ngầm - G6

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT
1	pH(b)	-	TCVN 6492:2011	6,72	5,5 – 8,5
2	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)(b)	mg/L	QTN.01/LAET	164,56	1.500
3	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)(b)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	86,1	500
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,44	4
5	Clorua (Cl^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl^-.B:2017	21,9	250
6	Florua (F^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017	0,25	1,0
7	Nitrit (NO_2^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO_2^- B:2017	KPH (LOD=0,004)	1,0
8	Nitrat (NO_3^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO_3^- .E:2017	KPH (LOD=0,013)	15
9	Sunphat (SO_4^{2-})(b)	mg/L	SMEWW 4500-SO_4^{2-} .E:2017	18	400
10	CN^-(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017	KPH (LOD=0,002)	0,01
11	Amoni (NH_4^+)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	KPH (LOD=0,020)	1,0
12	Tổng Phenol(d)	mg/L	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8041A	KPH (LOD=0,0003)	0,001
13	Sắt (Fe)(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	4,67	5,0
14	Chì (Pb)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,0041	0,01
15	Đồng (Cu)(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	1,0
16	Mangan (Mn)(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,43	0,5
17	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,02)	3,0
18	Cr^{6+}(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	KPH (LOD=0,003)	0,05
19	Thủy ngân (Hg)(d)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,00025)	0,001
20	Asen (As)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,05
21	Cadimi (Cd) (b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,0002)	0,005

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT
22	Selen (Se)(d)	mg/L	TCVN 6183:1996	KPH (LOD=0,00054)	0,01
23	Tổng hoạt độ phóng xạ α(b)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,01)	0,1
24	Tổng hoạt độ phóng xạ β(b)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,3)	1,0
25	Niken (Ni)(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,02
26	Aldrin(b)	µg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C + US EPA Method 8081B	KPH (LOD=0,01)	0,1
27	BHC(b)	µg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C + US EPA Method 8081B	KPH (LOD=0,003)	0,02
28	Dieldrin(b)	µg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C + US EPA Method 8081B	KPH (LOD=0,01)	0,1
29	DDTs(b)	µg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C + US EPA Method 8081B	KPH (LOD=0,01)	1,0
30	Heptachlor & Heptachlorepoxide(b)	µg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C + US EPA Method 8081B	KPH (LOD=0,01)	0,2

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. - (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 12,19,22 do VIMCERTS 026 thực hiện;
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc

TS. Nguyễn Như Hiển

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 22.0611	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT**	Kí hiệu mẫu: 22.0611.NN2

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 11/11/2022

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Nước dưới đất

Vị trí lấy mẫu : 22.0611.NN2: NN3: Nước ngầm - G6

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QC 09-MT:2015/BTNMT
1	Coliform(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (LOD=2)	3
2	E.Coli(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B&F:2017	KPH (LOD=2)	Không phát hiện thấy

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Phụ trách PTN	Giám đốc
KS. Phan Thị Hoài Trinh	TS. Nguyễn Như Hiển